

Số: /2020/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dự thảo

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng và Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2015/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN

1. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Phân công trách nhiệm thanh tra đối với các đối tượng thanh tra ngân hàng

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng chịu trách nhiệm thanh tra theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng thanh tra ngân hàng sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước, trừ các đối tượng do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quản lý theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

b) Ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c) Ngân hàng chính sách;

d) Ngân hàng hợp tác xã;

đ) Ngân hàng liên doanh;

e) Ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

g) Một số chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

h) Ngân hàng thương mại cổ phần;

i) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

k) Tổ chức tài chính vi mô;

l) Một số chương trình, dự án tài chính vi mô theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

m) Tổ chức hoạt động thông tin tín dụng;

n) Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

o) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

p) Nhà máy In tiền Quốc gia;

q) Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam;

r) Công ty con của tổ chức tín dụng quy định tại các điểm b, d, đ, e, h, i khoản này mà công ty con này không phải là tổ chức tín dụng nhưng thuộc trách nhiệm thanh tra của Ngân hàng Nhà nước, trừ đối tượng thuộc trách nhiệm thanh tra của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

s) Đối tượng thanh tra thuộc trách nhiệm thanh tra của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong trường hợp thanh tra lại hoặc khi cần thiết và theo chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

t) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

2. Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chịu trách nhiệm thanh tra theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng thanh tra ngân hàng sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (sau đây gọi tắt là địa bàn tỉnh, thành phố), trừ đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều này;

c) Trụ sở chính của đối tượng thanh tra thuộc trách nhiệm thanh tra của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, h, i, k khoản 1 Điều này (thanh tra đối với hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác) mà trụ sở chính này đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

e) d) Đơn vị trực thuộc của đối tượng thanh tra thuộc trách nhiệm thanh tra của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều này (trừ đối tượng quy định tại các điểm p, q khoản 1 Điều này), của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác mà đơn vị trực thuộc này có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

đ) đ) Quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

đ) e) Chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn tỉnh, thành phố, trừ đối tượng quy định tại điểm l khoản 1 Điều này;

e) g) Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

g) h) Tổ chức có hoạt động ngoại hối, hoạt động kinh doanh vàng; tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không phải là ngân hàng có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố, trừ đối tượng quy định tại điểm q khoản 1 Điều này;

h) i) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn tỉnh, thành phố có nghĩa vụ chấp hành các quy định pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước;

i) k) Đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền ngoài các đối tượng quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i khoản này;

k) l) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

3. Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện thanh tra đối với đối tượng thanh tra thuộc trách nhiệm thanh tra của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác theo chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”

2. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Phân công trách nhiệm giám sát đối với các đối tượng giám sát ngân hàng

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng chịu trách nhiệm giám sát an toàn vi mô theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng giám sát ngân hàng sau đây:

- a) Ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- b) Ngân hàng hợp tác xã;
- c) Ngân hàng liên doanh;
- d) Ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

đ) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm g khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

- e) Ngân hàng thương mại cổ phần;
- g) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- h) Tổ chức tài chính vi mô;
- i) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

2. Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chịu trách nhiệm giám sát an toàn vi mô theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng giám sát ngân hàng sau đây:

a) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố, trừ đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

b) Trụ sở chính của đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h khoản 1 Điều này (giám sát đối với hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác) mà trụ sở chính này đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

b) c) Đơn vị trực thuộc của đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều này, của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác mà đơn vị trực thuộc này có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

e) d) Quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

đ) d) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện giám sát an toàn vĩ mô đối với toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện giám sát theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng sau đây:

- a) Ngân hàng chính sách;
- b) Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

- c) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- d) Tổ chức hoạt động thông tin tín dụng;

đ) Công ty con của tổ chức tín dụng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g khoản 1 Điều này mà công ty con này không phải là tổ chức tín dụng nhưng thuộc trách nhiệm giám sát của Ngân hàng Nhà nước, trừ đối tượng thuộc trách nhiệm giám sát của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

- e) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

5. Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện giám sát theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng sau đây:

a) Trụ sở chính của đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại điểm a khoản 4 Điều này (giám sát đối với hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác) mà trụ sở chính này đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

a) b) Đơn vị trực thuộc của đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại khoản 4 Điều này mà đơn vị trực thuộc này có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố;

- b) c) Đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.”

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2019/TT-NHNN ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, TTGSNH8, PC (03 bản).

THỐNG ĐỐC